

**DANH SÁCH 510 HỘ GIA ĐÌNH CỦA TỔ 17**  
**ĐƯỢC TẶNG DANH HIỆU “GIA ĐÌNH VĂN HÓA” NĂM 2025**  
(Kèm theo Quyết định số 1333/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của Chủ tịch UBND phường)

| STT | Tên hộ gia đình        | Ghi chú |
|-----|------------------------|---------|
| 1.  | Nguyễn Thị Lượng       |         |
| 2.  | Nguyễn Thị Mỹ Thanh    |         |
| 3.  | Nguyễn Phan Thanh Thủy |         |
| 4.  | Nguyễn Thị Hồng Trang  |         |
| 5.  | Nguyễn Ngọc Phước      |         |
| 6.  | Đặng Thị Tâm           |         |
| 7.  | Nguyễn Thị Như Ngọc    |         |
| 8.  | Huỳnh Nghiệp           |         |
| 9.  | Nguyễn Thanh Bạch      |         |
| 10. | Võ Thị Dung            |         |
| 11. | Nguyễn Nhất Thống      |         |
| 12. | Phạm Châu Hiệp         |         |
| 13. | Bùi Thị Quỳnh Vân      |         |
| 14. | Bùi Tấn Duy            |         |
| 15. | Nguyễn Thị Ất          |         |
| 16. | Lê Thị Thái            |         |
| 17. | Trần Thị Thu Phương    |         |
| 18. | Nguyễn Thị Thu Phương  |         |
| 19. | Nguyễn Thị Thanh Hiền  |         |
| 20. | La Quang Cường         |         |
| 21. | Nguyễn Anh Tuấn        |         |
| 22. | Lê Thị Hồng Phấn       |         |
| 23. | Lê Văn Vinh            |         |
| 24. | Trần Công Tánh         |         |
| 25. | Hồ Viết Toàn           |         |
| 26. | Nguyễn Văn Tích        |         |
| 27. | Trần Thị Sen           |         |
| 28. | Phạm Phước Sương       |         |
| 29. | Phan Long Viên         |         |
| 30. | Nguyễn Đức Thích       |         |

| STT | Tên họ gia đình       | Ghi chú |
|-----|-----------------------|---------|
| 31. | Võ Quốc Trọng         |         |
| 32. | Huỳnh Thị Thanh Long  |         |
| 33. | Nguyễn Thái Sơn       |         |
| 34. | Trương Thị Như Thi    |         |
| 35. | Nguyễn Thị Nhị        |         |
| 36. | Dương Công Vũ         |         |
| 37. | Nguyễn Thị Thùy Dương |         |
| 38. | Lê Thị Mỹ Hoa         |         |
| 39. | Hồ Đắc Chúc           |         |
| 40. | Ngô Văn Thắng         |         |
| 41. | Lê Quang Sinh         |         |
| 42. | Nguyễn Thị Đàm        |         |
| 43. | Mai Đình Sơn          |         |
| 44. | Đặng Huy Hà           |         |
| 45. | Nguyễn Thị Nghi       |         |
| 46. | Đặng Công Viện        |         |
| 47. | Hà Hoàng Ngoan        |         |
| 48. | Hồ Thị Kim Chi        |         |
| 49. | Hồ Thị Ái Linh        |         |
| 50. | Lê Thị Nga            |         |
| 51. | Hồ Minh Long          |         |
| 52. | Đào Tấn Điệp          |         |
| 53. | Tiêu Thị Bản          |         |
| 54. | Trương Thị Ngung      |         |
| 55. | Nguyễn Như Khoa       |         |
| 56. | Lê Huy                |         |
| 57. | Nguyễn Thị Thành      |         |
| 58. | Nguyễn Thị Thu Hà     |         |
| 59. | Nguyễn Thị Hải        |         |
| 60. | Nguyễn Tấn Diên       |         |
| 61. | Nguyễn Thị Kiều Nga   |         |
| 62. | Nguyễn Thành Trung    |         |
| 63. | Nguyễn Phương Nam     |         |
| 64. | Nguyễn Thị Sáu        |         |
| 65. | Lê Tấn Sinh           |         |
| 66. | Hồ Thanh Phong        |         |
| 67. | Nguyễn Thị Nở         |         |
| 68. | Phạm Văn Toàn         |         |

| STT  | Tên họ gia đình       | Ghi chú |
|------|-----------------------|---------|
| 69.  | Lưu Thị Cẩm Thanh     |         |
| 70.  | Hồ Phúc               |         |
| 71.  | Lưu Hoàng Vũ          |         |
| 72.  | Võ Thị Thu An         |         |
| 73.  | Lâm Thị Thời          |         |
| 74.  | Phạm Việt Hải         |         |
| 75.  | Hồ Thị Kim Linh       |         |
| 76.  | Phạm Việt Khoa        |         |
| 77.  | Nguyễn Thiện Thuật    |         |
| 78.  | Trương Thị Cẩm Dung   |         |
| 79.  | Phạm Việt Dũng        |         |
| 80.  | Phạm Văn Đạt          |         |
| 81.  | Lê Tôn Thăng          |         |
| 82.  | Lê Tôn Thao           |         |
| 83.  | Trần Đình Huy         |         |
| 84.  | Phạm Ngọc Thắng       |         |
| 85.  | Nguyễn Thị Vượng      |         |
| 86.  | Phạm Cao Lên          |         |
| 87.  | Phạm Quỳnh            |         |
| 88.  | Phan Tấn Tiến         |         |
| 89.  | Phan Tấn Cẩm          |         |
| 90.  | Lê Thị Phương         |         |
| 91.  | Trương Đình Tình      |         |
| 92.  | Cao Thị Lan           |         |
| 93.  | Phạm Văn Đoạt         |         |
| 94.  | Nguyễn Thị Thanh Thúy |         |
| 95.  | Trần Đức Hùng         |         |
| 96.  | Lê Thị Thu            |         |
| 97.  | Dương Học             |         |
| 98.  | Lê Đỗ Trần Vũ         |         |
| 99.  | Đỗ Thị Kim Hồng       |         |
| 100. | Bùi Thị Xuân Hương    |         |
| 101. | Diệp Thanh            |         |
| 102. | Nguyễn Thị Tuyết Loan |         |
| 103. | Võ Thị Mau            |         |
| 104. | Đào Ngọc Nam          |         |
| 105. | Bùi Thị Trà           |         |
| 106. | Phan Hoài Hương       |         |

| STT  | Tên họ gia đình      | Ghi chú |
|------|----------------------|---------|
| 107. | Lê Văn Thuận         |         |
| 108. | Đặng Công Địch       |         |
| 109. | Đặng Công Chiến      |         |
| 110. | Hoàng Thị Tuyên      |         |
| 111. | Trần Thị Thu Hà      |         |
| 112. | Nguyễn Văn Thông     |         |
| 113. | Võ Thị Hải           |         |
| 114. | Nguyễn Văn Thành     |         |
| 115. | Nguyễn Văn Sinh      |         |
| 116. | Phạm Minh Thiên      |         |
| 117. | Kiều Quốc Long       |         |
| 118. | Nguyễn Thị Tâm       |         |
| 119. | Lê Thị Thanh Thủy    |         |
| 120. | Lê Tám               |         |
| 121. | Lê Thân              |         |
| 122. | Nguyễn Thị Đợi       |         |
| 123. | Trần Đình Nam        |         |
| 124. | Nguyễn Xuân Quang    |         |
| 125. | Lê Văn Đường         |         |
| 126. | Võ Minh Hiệp         |         |
| 127. | Đặng Nguyên Kỳ       |         |
| 128. | Đặng Công Mạnh       |         |
| 129. | Đặng Công Nhân       |         |
| 130. | Đặng Thị Phận        |         |
| 131. | Đặng Thị Thu Trang   |         |
| 132. | Phạm Thị Kim Anh     |         |
| 133. | Đặng Công Dưỡng      |         |
| 134. | Lê Mỹ Xê             |         |
| 135. | Huỳnh Đức An         |         |
| 136. | Trần Văn Cứ          |         |
| 137. | Đặng Công Hiến       |         |
| 138. | Hoàng Thị Hiên       |         |
| 139. | Đặng Quang Hưng      |         |
| 140. | Nguyễn Thị Ngọc Châu |         |
| 141. | Trần Xuân Hữu        |         |
| 142. | Trần Thị Kim Liên    |         |
| 143. | Đặng Thị Thu Hiền    |         |
| 144. | Phạm Văn Tình        |         |

| STT  | Tên họ gia đình     | Ghi chú |
|------|---------------------|---------|
| 145. | Huỳnh Thị Bích Nga  |         |
| 146. | Nguyễn Thị Mỹ       |         |
| 147. | Đặng Công Chính     |         |
| 148. | Đặng Công Thắng     |         |
| 149. | Đặng Công Dũng      |         |
| 150. | Trần Văn Huyền      |         |
| 151. | Trần Quốc Anh       |         |
| 152. | Võ Đại Thái         |         |
| 153. | Đặng Sỹ             |         |
| 154. | Đặng Minh Tú        |         |
| 155. | Nguyễn Thanh Tra    |         |
| 156. | Lê Văn Phùng        |         |
| 157. | Bùi Thị Bích Phượng |         |
| 158. | Nguyễn Thị Thu Hà   |         |
| 159. | Đào Hòa             |         |
| 160. | Phạm Trung Một      |         |
| 161. | Phan Thị Nhi        |         |
| 162. | Nguyễn Thị Ngọc     |         |
| 163. | Lê Thị Hồng Hà      |         |
| 164. | Nguyễn Đại Châu     |         |
| 165. | Nguyễn Thị Tám      |         |
| 166. | Trương Thị Kim Ảnh  |         |
| 167. | Nguyễn Thị Thúy     |         |
| 168. | Trương Thị Mai      |         |
| 169. | Võ Thị Hảo          |         |
| 170. | Nguyễn Thị Tiên     |         |
| 171. | Võ Thị Trâm         |         |
| 172. | Trần Thị Kim Oanh   |         |
| 173. | Phạm Viêt Thắng     |         |
| 174. | Nguyễn Thanh Sơn    |         |
| 175. | Nguyễn Đức Dũng     |         |
| 176. | Nguyễn Thành Phong  |         |
| 177. | Võ Thị Thanh Thủy   |         |
| 178. | Võ Thị Thanh Vân    |         |
| 179. | Châu Văn Cân        |         |
| 180. | Nguyễn Thị Chánh    |         |
| 181. | Võ Thị Tuyết Thanh  |         |
| 182. | Nguyễn Bảo Ngọc     |         |

| STT  | Tên hộ gia đình    | Ghi chú |
|------|--------------------|---------|
| 183. | Phan Thị Thùy Tiên |         |
| 184. | Phạm Kim Ngân      |         |
| 185. | Phạm Thị Hải       |         |
| 186. | Trần Thị Hạnh Thắm |         |
| 187. | Lê Thị Minh        |         |
| 188. | Lê Thị Oanh        |         |
| 189. | Nguyễn Tấn Hoàng   |         |
| 190. | Võ Đức Lục         |         |
| 191. | Trần Văn Hải       |         |
| 192. | Trần Văn Quang     |         |
| 193. | Nguyễn Duy Nam     |         |
| 194. | Nguyễn Trung Tuyên |         |
| 195. | Nguyễn Bình        |         |
| 196. | Huỳnh Văn Đức      |         |
| 197. | Lê Hồng Thành      |         |
| 198. | Nguyễn Văn Đường   |         |
| 199. | Huỳnh Mạnh Hùng    |         |
| 200. | Phạm Văn Vàng      |         |
| 201. | Phạm Tấn Ninh      |         |
| 202. | Đậu Xuân Hùng      |         |
| 203. | Trần Văn Quang     |         |
| 204. | Trịnh Duy Khoáng   |         |
| 205. | Võ Hội             |         |
| 206. | Bùi Đình An        |         |
| 207. | Đỗ Đình Huy        |         |
| 208. | Nguyễn Thanh Tú    |         |
| 209. | Lê Mỹ Tùng         |         |
| 210. | Bùi Minh Hiền      |         |
| 211. | Phạm Văn Nhân      |         |
| 212. | Võ Nhị             |         |
| 213. | Đoàn Bé            |         |
| 214. | Đoàn Tuấn Khiêm    |         |
| 215. | Võ Phước           |         |
| 216. | Võ Tường           |         |
| 217. | Đặng Thị Tơ        |         |
| 218. | Trần Thị Ngọc Bích |         |
| 219. | Phạm Tấn Thịnh     |         |
| 220. | Bùi Phụ Nông       |         |

| STT  | Tên họ gia đình       | Ghi chú |
|------|-----------------------|---------|
| 221. | Đỗ Đình Chương        |         |
| 222. | Trần Quang Hội        |         |
| 223. | Trương Quang Phụng    |         |
| 224. | Nguyễn Hoàng Lan      |         |
| 225. | Lê Thị Thu Hà         |         |
| 226. | Mai Văn Màu           |         |
| 227. | Nguyễn Thị Phương     |         |
| 228. | Nguyễn Thị Minh Hiệp  |         |
| 229. | Đoàn Thị Thùy Linh    |         |
| 230. | Dương Quốc Khánh      |         |
| 231. | Mai Văn Tiến          |         |
| 232. | Nguyễn Bùi Công       |         |
| 233. | Lý Thị Thu Huyền      |         |
| 234. | Đặng Công Hải         |         |
| 235. | Trần Thị Thu Phương   |         |
| 236. | Dương Quốc Minh       |         |
| 237. | Trần Thị Mai          |         |
| 238. | Nguyễn Mậu Nhật Trình |         |
| 239. | Nguyễn Tấn Dũng       |         |
| 240. | Nguyễn Mỹ Lôi         |         |
| 241. | Phạm Quốc Tàu         |         |
| 242. | Nguyễn Thị Trinh      |         |
| 243. | Đỗ Thị Mai            |         |
| 244. | Tạ Thị Ngọc Quý       |         |
| 245. | Phạm Ngọc Thông       |         |
| 246. | Bùi Quang Minh        |         |
| 247. | Võ Thị Mỹ Thanh       |         |
| 248. | Trần Văn Hậu          |         |
| 249. | Nguyễn Thanh Tùng     |         |
| 250. | Phạm Viết Thắng       |         |
| 251. | Cao Thị Mỹ Hương      |         |
| 252. | Dương Thị Liên        |         |
| 253. | Võ Đại Anh            |         |
| 254. | Nguyễn Thị Mỹ Hòa     |         |
| 255. | Vương Thị Thanh Trúc  |         |
| 256. | Mai Thị Dung          |         |
| 257. | Nguyễn Thắng          |         |
| 258. | Nguyễn Thị Minh Thi   |         |

| STT  | Tên họ gia đình      | Ghi chú |
|------|----------------------|---------|
| 259. | Ngô Thị Hòa          |         |
| 260. | Nguyễn Xuân Sang     |         |
| 261. | Trần Thị Trung       |         |
| 262. | Nguyễn Thị Anh       |         |
| 263. | Lê Hồng Quang        |         |
| 264. | Trần Thị Bích Phượng |         |
| 265. | Phạm Ngọc Thiện      |         |
| 266. | Hoàng Tử Nhật Phúc   |         |
| 267. | Lê Hữu Nhất          |         |
| 268. | Bùi Thị Xuân Liễu    |         |
| 269. | Võ Thị Hương Nguyên  |         |
| 270. | Bùi Thị Lan          |         |
| 271. | Bùi Văn Cương        |         |
| 272. | Lê Thị Bích Hồng     |         |
| 273. | Lê Hữu Tứ            |         |
| 274. | Lê Thị Phương Ninh   |         |
| 275. | Nguyễn Thị Như Ý     |         |
| 276. | Phạm Thị Vy          |         |
| 277. | Phạm Thị Bích        |         |
| 278. | Bùi Đức Mạnh         |         |
| 279. | Hồ Thị Nhanh         |         |
| 280. | Nguyễn Thị Thu Hảo   |         |
| 281. | Nguyễn Tiếng Thịnh   |         |
| 282. | Phạm Mạnh Cường      |         |
| 283. | Nguyễn Thành         |         |
| 284. | Phạm Thị Hữu         |         |
| 285. | Phạm Thị Hòa         |         |
| 286. | Ngô Tuấn Linh        |         |
| 287. | Lê Quốc Hạnh         |         |
| 288. | Phạm Dự              |         |
| 289. | Trần Đình Long       |         |
| 290. | Nguyễn Duy Kháng     |         |
| 291. | Nguyễn Bá Hải        |         |
| 292. | Nguyễn Thị Lệ Thu    |         |
| 293. | Đàm Thị Ngọc Lan     |         |
| 294. | Đàm Phúc An          |         |
| 295. | Nguyễn Thị Tiên      |         |
| 296. | Nguyễn Việt Vinh     |         |



| STT  | Tên họ gia đình       | Ghi chú |
|------|-----------------------|---------|
| 297. | Lê Văn Thành          |         |
| 298. | Hà Duy Nhất           |         |
| 299. | Võ Đình Thọ           |         |
| 300. | Phan Thị Thu          |         |
| 301. | Nguyễn Văn Thời       |         |
| 302. | Nguyễn Thị Kim        |         |
| 303. | Trần Hoài Nam         |         |
| 304. | Đào Thị Lâm           |         |
| 305. | Lê Nam                |         |
| 306. | Nguyễn Thị Thùy Dung  |         |
| 307. | Nguyễn Thị Cẩm Giang  |         |
| 308. | Ngô Thị Thanh Hải     |         |
| 309. | Nguyễn Bá Vinh        |         |
| 310. | Hoàng Nam             |         |
| 311. | Nguyễn Thị Gương      |         |
| 312. | Ngô Tấn Linh          |         |
| 313. | Nguyễn Ninh Định      |         |
| 314. | Nguyễn Thành Luân     |         |
| 315. | Huỳnh Thanh Tân       |         |
| 316. | Thân Thị Châm         |         |
| 317. | Bùi Thị Khuyên        |         |
| 318. | Hồ Thị Xuân Sen       |         |
| 319. | Phạm Ngọc Quang       |         |
| 320. | Lê Ngọc Cân           |         |
| 321. | Hồ Hữu Vương          |         |
| 322. | Trần Phi Phụng        |         |
| 323. | Võ Ngọc Thành         |         |
| 324. | Nguyễn Thị Hồng Phụng |         |
| 325. | Nguyễn Thị Thu Hương  |         |
| 326. | Nguyễn Hàng Diệu      |         |
| 327. | Đặng Văn Nguyên       |         |
| 328. | Tạ Công Danh          |         |
| 329. | Nguyễn Văn Mến        |         |
| 330. | Đặng Văn Tín          |         |
| 331. | Nguyễn Phú Hiền       |         |
| 332. | Trần Thị Thanh Hà     |         |
| 333. | Nguyễn Duy Linh       |         |
| 334. | Nguyễn Văn Quang      |         |

| STT  | Tên hộ gia đình      | Ghi chú |
|------|----------------------|---------|
| 335. | Nguyễn Hồng Phúc     |         |
| 336. | Bùi Thị Phụng        |         |
| 337. | Nguyễn Đức Thành     |         |
| 338. | Nguyễn Quý           |         |
| 339. | Trần Hùng            |         |
| 340. | Nguyễn Cao Tuấn      |         |
| 341. | Nguyễn Văn Tường     |         |
| 342. | Nguyễn Đình Diệp     |         |
| 343. | Trần Đình Ngô        |         |
| 344. | Trần Thị Kim Tuyền   |         |
| 345. | Trần Giang Sơn       |         |
| 346. | Hồng Triệu Phước     |         |
| 347. | Trần Thị Nguyệt      |         |
| 348. | Phạm Ngọc Thông      |         |
| 349. | Trương Phụng         |         |
| 350. | Nguyễn Thị Kim Cúc   |         |
| 351. | Nguyễn Đình Quang    |         |
| 352. | Võ Thanh Triên       |         |
| 353. | Nguyễn Thị Hương     |         |
| 354. | Bạch Ban Xê          |         |
| 355. | Trần Tuấn Khanh      |         |
| 356. | Phạm Ngọc Anh        |         |
| 357. | Nguyễn Thị Kim Yến   |         |
| 358. | Lê Quang Khát        |         |
| 359. | Nguyễn Thị Nào       |         |
| 360. | Bùi Thị Tuyết Nga    |         |
| 361. | Nguyễn Văn Đạn       |         |
| 362. | Bùi Tấn Anh Thảo     |         |
| 363. | Lê Thị Thu Hồng      |         |
| 364. | Nguyễn Thị Thu Hòa   |         |
| 365. | Nguyễn Văn Kết       |         |
| 366. | Nguyễn Hồng Bộ       |         |
| 367. | Kiều Minh Tân        |         |
| 368. | Bùi Bình             |         |
| 369. | Trương Thị Thanh     |         |
| 370. | Đặng Thành           |         |
| 371. | Nguyễn Thị Tuyết Hựu |         |
| 372. | Chế Thị Thu Vân      |         |

| STT  | Tên hộ gia đình     | Ghi chú |
|------|---------------------|---------|
| 373. | Hồ Trí Dũng         |         |
| 374. | Nguyễn Thị Hooàng   |         |
| 375. | Phan Thị Tánh       |         |
| 376. | Hồ Kỳ Phương        |         |
| 377. | Hồ Kỳ Nam           |         |
| 378. | Hồ Kỳ Tâm           |         |
| 379. | Nguyễn Mậu Khôi     |         |
| 380. | Nguyễn Mậu Tường    |         |
| 381. | Huỳnh Hòa           |         |
| 382. | Mai Phi Koong       |         |
| 383. | Đặng Thị Oanh       |         |
| 384. | Nguyễn Thị Hạnh     |         |
| 385. | Nguyễn Thị Xuân Lan |         |
| 386. | Phạm Quang Phổ      |         |
| 387. | Võ Đình Vũ          |         |
| 388. | Bùi Công Sơn        |         |
| 389. | Lê Văn Em           |         |
| 390. | Võ Văn Trị          |         |
| 391. | Trần Thoi           |         |
| 392. | Lê Thị Ngọc Lan     |         |
| 393. | Lương Thế Truyền    |         |
| 394. | Nguyễn Xuân An      |         |
| 395. | Hồ Thu              |         |
| 396. | Hồ Vũ Mai           |         |
| 397. | Hồ Thu Phương       |         |
| 398. | Lê Văn Ngọc         |         |
| 399. | Lê Văn Dũng         |         |
| 400. | Lý Từ Hải           |         |
| 401. | Lý Đức Huy          |         |
| 402. | Nguyễn Thiệu Sơn    |         |
| 403. | Vũ Hoàng Long       |         |
| 404. | Trần Đắc Dự         |         |
| 405. | Phan Mậu Phiếm      |         |
| 406. | Phan Gia Hạnh       |         |
| 407. | Đinh Thanh Hùng     |         |
| 408. | Mai Thị Từ          |         |
| 409. | Nguyễn Tường Viên   |         |
| 410. | Nguyễn Đình Hiếu    |         |

| STT  | Tên hộ gia đình     | Ghi chú |
|------|---------------------|---------|
| 411. | Trương Thị Mỹ       |         |
| 412. | Võ Thị Thanh Tựu    |         |
| 413. | Trần Công Danh      |         |
| 414. | Đinh Thị Diệu Thu   |         |
| 415. | Trương Đình Hiền    |         |
| 416. | Nguyễn Ngọc Phải    |         |
| 417. | Bùi Minh Sơn        |         |
| 418. | Phạm Ngọc Tri       |         |
| 419. | Bùi Đức Duy         |         |
| 420. | Đoàn Thuận          |         |
| 421. | Trương Viết Vũ      |         |
| 422. | Phạm Anh Vũ         |         |
| 423. | Bùi Duy Thanh       |         |
| 424. | Nguyễn Thị Mẫn      |         |
| 425. | Đặng Thị Lài        |         |
| 426. | Nguyễn Thị Như Hoa  |         |
| 427. | Bùi Phú Khánh       |         |
| 428. | Bùi Tá Nghị         |         |
| 429. | Trần Đức Duy        |         |
| 430. | Võ Sỹ               |         |
| 431. | Võ Văn Xuân         |         |
| 432. | Võ Tuấn             |         |
| 433. | Võ Văn Kim          |         |
| 434. | Võ Thị Long         |         |
| 435. | Võ Cường            |         |
| 436. | Võ Văn Khanh        |         |
| 437. | Trịnh Nhân Hiếu     |         |
| 438. | Võ Anh Đạt          |         |
| 439. | Võ Thanh Tùng       |         |
| 440. | Nguyễn Thị Chóe     |         |
| 441. | Đỗ Khánh Hội        |         |
| 442. | Lê Thị Tuyết Nga    |         |
| 443. | Nguyễn Thị Hồng Nga |         |
| 444. | Võ Thị Cẩm Vy       |         |
| 445. | Lê Tấn Tài          |         |
| 446. | Phạm Thị Mai        |         |
| 447. | Lê Anh Sĩ           |         |
| 448. | Nguyễn Lâm          |         |

| STT  | Tên họ gia đình     | Ghi chú |
|------|---------------------|---------|
| 449. | Phạm Văn Chương     |         |
| 450. | Nguyễn Thị Thành    |         |
| 451. | Huỳnh Long          |         |
| 452. | Nguyễn Thị Bích Vân |         |
| 453. | Tăng Ngọc Thiên     |         |
| 454. | Ngô Thị Thanh Hải   |         |
| 455. | Nguyễn Thị Liên     |         |
| 456. | Phạm Thị Hảo        |         |
| 457. | Phạm Công Bình      |         |
| 458. | Nguyễn Thế Nhân     |         |
| 459. | Võ Nguyên Sơn       |         |
| 460. | Đặng Chiến          |         |
| 461. | Võ Thị Lan          |         |
| 462. | Trần Thị Anh Đào    |         |
| 463. | Nguyễn Công Hòa     |         |
| 464. | Nguyễn Thị Thu Hà   |         |
| 465. | Hoàng Hoài Vũ       |         |
| 466. | Trương Thị Tòng     |         |
| 467. | Lê Trung Lưu        |         |
| 468. | Phạm Hữu Ái         |         |
| 469. | Trần Văn Nam        |         |
| 470. | Nguyễn Thị Hoa      |         |
| 471. | Huỳnh Tấn Quyết     |         |
| 472. | Hồ Thị Lý           |         |
| 473. | Nguyễn Đại          |         |
| 474. | Nguyễn Thị Lý       |         |
| 475. | Nguyễn Trung Khải   |         |
| 476. | Phùng Thị Tuấn      |         |
| 477. | Phạm Thị Nhon       |         |
| 478. | Nguyễn Điệp         |         |
| 479. | Nguyễn Hùng         |         |
| 480. | Nguyễn Xuân Trung   |         |
| 481. | Hồng Triệu Sơn      |         |
| 482. | Hồng Thị Mỹ Châu    |         |
| 483. | Hồng Thị Bạch Tuyết |         |
| 484. | Phạm Minh Vi        |         |
| 485. | Nguyễn Thị Hạt      |         |
| 486. | Lê Thị Hồng Hà      |         |

| STT  | Tên họ gia đình     | Ghi chú |
|------|---------------------|---------|
| 487. | Cầm Bá Hóa          |         |
| 488. | Nguyễn Ngọc Nguyên  |         |
| 489. | Đỗ Quốc Khánh       |         |
| 490. | Nguyễn Thành Tiến   |         |
| 491. | Võ Văn Xanh         |         |
| 492. | Nguyễn Đông Đức     |         |
| 493. | Đặng Quang Lâm      |         |
| 494. | Dương Thị Lợi       |         |
| 495. | Huỳnh Chế Sinh      |         |
| 496. | Cao Thị Thiên Trang |         |
| 497. | Trần Quốc Việt      |         |
| 498. | Dương Mạnh Hùng     |         |
| 499. | Trần Văn Khánh      |         |
| 500. | Nguyễn Đức Hiệp     |         |
| 501. | Nguyễn Văn Gioong   |         |
| 502. | Đoàn Thị Thùy Linh  |         |
| 503. | Hồ Thị Lại          |         |
| 504. | Hồ Tấn Dũng         |         |
| 505. | Nguyễn Trọng Minh   |         |
| 506. | Nguyễn Thị Hồng Mơ  |         |
| 507. | Hồ Thị Lại          |         |
| 508. | Nguyễn Thị Hằng     |         |
| 509. | Nguyễn Thị Ngọc Lan |         |
| 510. | Phạm Thị Đoan       |         |